TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 94/2019/HSST
Ngày 12.9.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Dương

Bà Nguyễn Thị Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12.9.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 48 Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số:89/2019/TLST-HS ngày 01.8.2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:89/2019/QĐXXST-HS ngày 29.8.2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh ngày 27-6-1997, tại Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1973 (s) và bà Lê Thị Minh L, sinh năm 1975 (s); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo bị bắt giam (giữ) ngày 13.3.2019, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 09-12-1996, tại Quảng Nam; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1964 (s) và bà Lê Thị V, sinh năm 1967 (s); Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai;Tiền án; Tiền sự: Chưa; Bị bắt tạm giam ngày 13/3/2019, có mặt.

Người tham gia tố tụng:

Người bào chữa: Ông Trần Tuấn L – Luật sư của Công ty luật TNHH 2 TV Hoa Tiêu, thuộc đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; Địa chỉ: 271 đường Nguyễn Văn Linh, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, là người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Thành. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T có quan hệ bạn bè quen biết với nhau. Vào tối ngày 13/3/2019, T và T1 gặp nhau, T hỏi mượn của T1 số tiền 3.000.000 đồng để cùng góp với bạn của T tên là Đ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) mua ma túy đá để T, T1 và Đ sử dụng chung. T cho T biết Đ góp 3.000.000 đồng nhưng khi ra Đà Nẵng sẽ có người đưa trước 2.000.000 đồng. T1 đồng ý nhưng do không có sẵn tiền nên T1 nói T cùng đi đến một tiệm cầm đồ ở xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (*không rõ địa chỉ cụ thể*), cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS: 92E1-.216.67 của T1 với số tiền 5.000.000 đồng. Do đề phòng việc ra Đà Nẵng không lấy được tiền góp của Đ như đã hẹn nên T mượn luôn của T1 5.000.000 đồng. Sau đó, T rủ T1 cùng đi ra Đà Nẵng mua ma túy đá về sử dụng, T đồng ý đi. T sử dụng điện thoại của T gọi cho Dương Thủy Tr là tài xế taxi để chở T và T1 ra Đà Nẵng. Trong lúc chờ xe đến, T gọi điện thoại cho một người đàn ông tên là C (*không rõ nhân thân, lai lịch*) hỏi mua ma túy đá với giá 6.000.000 đồng và thỏa thuận xin trả trước số tiền 5.000.000 đồng, nợ lại 1.000.000 đồng thì C đồng ý và hẹn đến một kiệt trên đường N, thành phố Đà Nẵng để giao nhận ma túy. T điều khiển xe ô tô BKS: 43A-379.80 chở T và T1 đến đường L, thành phố Đà Nẵng thì có một người phụ nữ (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng như Đ thỏa thuận góp từ trước, T đưa lại cho T để trừ vào số tiền đã mượn. Sau đó, T và T tiếp tục đi taxi đến đường N, thành phố Đà Nẵng, T sử dụng điện thoại của T tiếp tục gọi điện cho C. Sau khi được C hướng dẫn, T đi vào kiệt đường N (*không rõ địa chỉ cụ thể*), còn T ngồi trên xe ô tô đợi. Khi đến điểm hẹn, T nhận được một vỏ bao thuốc lá "555", bên trong có hai gói nylong chứa ma túy đá, T trả trước cho C 5.000.000 đồng và nợ lại 1.000.000 đồng.

Sau khi mua được ma túy, T yêu cầu Tr chở T và T1 về lại thôn N, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Đến 22 giờ 30 phút ngày 13/3/2019, khi đi đến trước nhà số 116A đường L, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an quận Thanh Khê phối hợp với tổ công tác 911 Công an thành phố Đà Nẵng kiểm tra hành chính xe ô tô BKS : 43A-379.80. Kiểm tra bên trong xe ô tô, thu giữ trên tay trái của T đang cầm 01 vỏ bao thuốc lá hiệu ''555'' bên trong có 02 gói nylong kích thước 04cm x 07cm chứa tinh thể màu trắng.

Bản Kết luận giám định số: 75/GĐ-MT ngày 21/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận tinh thể màu trắng trong hai gói nylong niêm phong ký hiệu G gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng tinh thể G: **19,242 gam**.

Vật chứng tạm giữ: 01 vỏ bao thuốc lá "555", bên trong có hai gói nylong chứa tinh thể màu trắng; 2.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel gắn sim có số thuê bao 0775429407 thu giữ của Nguyễn Văn T1.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn T khai nhận số tiền 3.000.000đ bị cáo T1 đưa cho T là tiền góp chung để mua ma túy cùng nhau sử dụng, chứ không phải là tiền cho Thành mượn và các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê khởi tố, Viện kiểm sát

nhân dân quận Thanh Khê truy tố và Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng pháp luật.

Tại Bản Cáo trạng số:93/CT-VKS ngày 31.7.2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự. Căn cứ vào tính chất của vụ án, vai trò phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T1 mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy thu giữ của các bị cáo, còn lại sau giám định và vỏ bao thuốc "555".

- Đối với 01 ĐTDĐ thu giữ của Nguyễn Văn T1, đây là phương tiện T1 đưa cho T để sử dụng liên lạc mua ma túy nên cần tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 2.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Luật sư trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức T: Thống nhất tội danh và điều khoản mà Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đã truy tố các bị cáo về tội "tàng trữ trái phép chất ma tuy" theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Thành đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; gia đình bị cáo có ông nội tham gia kháng chiến được Nhà nước tặng thưởng bằng khen. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên đề nghị HĐXX xem xét áp dụng để xử bị cáo mức án thấp nhất đầu khung hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và hứa sẽ cải tạo tốt để sớm trở về tái hòa nhập cộng đồng, không tiếp tục vi phạm, mong Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành rố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tối ngày 13.3.2019 T rủ T1 góp tiền mua ma túy sử dụng, Trường đồng ý, do không có tiền nên Trường rủ Thành mang chiếc xe Exciter BKS 92E1 – 216 67 của T1 đến tiệm cầm đồ trên địa bàn xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cầm cố số tiền 5 triệu đồng, T1 đưa cho T 3 triệu đồng rồi cả hai đón Taxi BKS: 43A-379.80, do anh Dương Thủy Tr điều khiển để ra Đà Nẵng, khi đi đến đường N, T lấy điện thoại của T1 điện thoại liên lạc trao đổi mua bán ma túy với một người tên C (không rõ lai lịch) mua 5 triệu đồng ma túy, C đồng ý và hẹn T vào trong kiệt trên đường N để giao ma túy, T đi vào kiệt còn T1 ngồi trong xe Taxi đợi, khi đến đến điểm hẹn, T nhận được 01 vỏ bao thuốc lá "555" bên trong có 02 gói ny long chứa ma túy rồi T ra xe yêu cầu anh Tr chở về nhà, khi xe chạy đến đoạn trước nhà 116A đường L, thành phố Đà Nẵng thì bị lực lượng cảnh sát Công an quận Thanh Khê bắt quả tang thu giữ trên tay của T đang cầm 02 gói ma túy có khối lượng là 19,242g loại Methamphetamine. Hành vi trên của Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn T1 phạm vào tội "tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự. Xét các bị cáo T và T1 đã có hành vi mua 19,242g ma túy lại Methamphetamine để tàng trữ sử dụng là đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo T và T1 đều là người nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng T rủ T1 góp tiền mua ma túy về sử dụng. Để mua được ma túy, T đã chủ động liên hệ với đối tượng bán ma túy tên C ở Thành phố Đà Nẵng và rủ T1 cùng đi, khi đến Đà Nẵng bị cáo lấy điện thoại của T1 liên lạc với đối tượng bán ma túy để mua và nhận hàng, nên vai trò của bị cáo trong vụ án này là chính. Đối với Nguyễn Văn T1 khi nghe T rủ nhau góp tiền mua ma túy về sử dụng bị cáo lại đồng ý ngay, mặc dù không có tiền nhưng bị cáo lai mang tài sản của mình đi cầm cố để lấy tiền đưa cho T, điều đó thể hiện vai trò của bị cáo không kém phần quan trọng so với Thành, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Tệ nạn ma túy là hiểm họa lớn cho xã hội, gây tác hại cho sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm chất con người, phá hoại hạnh phúc gia đình. Nhà nước đang tập trung mọi nỗ lực nhằm ngăn chặn đẩy lùi tệ nạn này. Mặc dù các bị cáo nhận thức được tác hại vô cùng nguy hiểm của ma túy như vậy, nhưng các bị cáo T và T1 đứng ra mua ma túy với số lượng nhiều về để tàng trữ sử dụng. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước và xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội và nguy hiểm hơn là các bị cáo đã tiếp tay cho những tệ nạn xã hội và một trong những nguyên nhân hiểm họa gây ra căn bệnh thế kỷ HIV.

[5] Về nhân thân của các bị cáo: Căn cứ vào trích lục tiền án, tiền sự của Phòng hồ sơ Công an thành phố Đà Nẵng và lý lịch các bị cáo thể hiện, Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, do đó HĐXX xem xét về nhân thân của các bị cáo theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng trách nhiêm hình sự của các bị cáo: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo T và T1 thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được hội đồng xét xử xem xét áp dụng khi lượng hình.Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gia đình bị cáo Nguyễn Đức T có ông nội có công cách mạng được nhà nước tặng giấy khen. HĐXX xét thấy, quá trình điều tra gia đình bị cáo T có cung cấp 01 bản phô tô tờ giấy khen của ông Nguyễn Đức C, nhưng không có một văn bản giấy tờ nào xác nhận ông C có quan hệ là ông nội của bị cáo. Mặt khác, theo hướng dẫn tại số:01/2000/NQ-HĐTP ngày 04.8.2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hương dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự năm 1999… "chỉ áp dụng đối với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh chi em ruột bị cáo là người có công với nước". Do đó đề nghị của luật sư về việc áp dung tình tiết giảm nhẹ gia đình có công với nước theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho bị cáo là không có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tài Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Mẫu vật hoàn trả sau giám định theo Kết luận giám định số:77/GĐ-MT ngày 21/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng là tang vật của vụ án, đây là vật cấm lưu hành nên áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tuyên tịch thu tiêu hủy; Đối 01 ĐTDĐ hiệu Masstel có gắn sim có số thuê bao 0775429407 của Nguyễn Văn T1, đây là phương tiện T1 đưa cho T để sử dụng liên lạc mua ma túy, tại phiên tòa bị cáo T khai chiếc điện thoại trên bị cáo mua đã lâu, ít tiền hiện giá trị sử dụng kém. Do đó, HĐXX xét thấy không cần thiết phải tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà cần tuyên tịch thu tiêu hủy; Đối với số tiền 2.000.000đ thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T1 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Toàn bộ vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số:326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

[9] Lời phát biểu đề nghị áp dụng pháp luật và mức hình phạt của đại diện viện kiểm sát đối với các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 là có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức T 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2019.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T1 7 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/3/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 89 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong một phong bì theo Kết luận giám định số:77/GĐ-MT ngày 21/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 ĐTDĐ hiệu Masstel có gắn sim có số thuê bao 0775429407 và 01 vỏ bao thuốc "555".

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1 số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

(Các vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê theo Quyết định chuyển vật chứng số:68/GĐ-MT ngày 31/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê; Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22.8.2019 và biên lai thu tiền số:007220 ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án quận Thanh Khê, thành phố Đà nẵng).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điều 23 Nghị quyết số:326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSNDTP. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CAQ. Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CAQ. Thanh Khê;
- Trại tạm giam CATP Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hoàng Vũ